

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2284/TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 8 năm 2010

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số: 433
	Ngày: 03/08/2010
	Chuyên: xây dựng

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định và phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025.

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

- Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003;
 Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2010;
 Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;
 Căn cứ Nghị định số 29/2008/TT-BXD ngày 17/4/2008 của Chính phủ qui định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;
 Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
 Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
 Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 16/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến 2020;
 Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến 2025;

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính trình Bộ Xây dựng xem xét thẩm định đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 do Liên danh tư vấn: Viện kiến trúc, Quy hoạch đô thị - nông thôn (thuộc Bộ xây dựng) và Công ty Woodhead International (Úc) thực hiện, gồm những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu và thời hạn điều chỉnh quy hoạch:

1.1. Tổng diện tích nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất là khoảng 45.332ha bao gồm: Phần diện tích KKT hiện hữu 10.300ha, phần diện tích đất mở rộng khoảng 24.280ha và khoảng 10.752ha diện tích mặt biển.

Bao gồm các xã: Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải, Bình Phước, Bình Hòa, Bình Phú, Bình Dương, Bình Thanh Đông, Bình Thanh Tây, Bình Tân, Bình Châu, Bình Thới, Thị trấn Châu Ổ và một phần đất các xã Bình Long, Bình Nguyên, Bình Hiệp, Bình Trung thuộc huyện Bình Sơn; huyện đảo Lý Sơn; các xã Tịnh Phong, Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ và một phần đất của xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh, có ranh giới địa lý được xác định như sau:

- Lập quy hoạch xây dựng theo các giai đoạn (ngắn hạn và dài hạn) xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo lô;
- Xác định các công trình, dự án đầu tư xây dựng đợt đầu làm cơ sở cho các đồ án quy hoạch chi tiết và dự án.

4. Hiện trạng dân số và đất đai xây dựng

4.1. Quy mô dân số:

- Tổng dân số hiện trạng: 193.421 người;
- Dự báo đến năm 2015: Dân số khoảng 330.000 người, trong đó dân cư đô thị chiếm khoảng 130.000 người;
- Dự báo đến năm 2025: Dân số khoảng 482.000 người, trong đó dân cư đô thị chiếm khoảng 310.000 người.

4.2. Quy mô đất đai:

- Diện tích đất xây dựng Khu kinh tế khoảng 21.829,15 ha, trong đó:
 - + Đất xây dựng đô thị khoảng: 3550ha;
 - + Đất tái định cư và diêm dân cư nông thôn khoảng: 8814,58 ha;
 - + Đất du lịch khoảng: 1610,67ha.

5. Nội dung nghiên cứu

5.1. Định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng:

Với tổng diện tích tự nhiên khoảng 45.332ha; các khu chức năng chủ yếu Khu kinh tế Dung Quất bao gồm:

a) Các Khu công nghiệp: Tổng diện tích 8.814,58ha; trong đó:

- KCN Dung Quất hiện hữu: Phía Tây khoảng 1.104ha; phía Đông: 2.121,82ha;

Điều chỉnh và phát triển mới các KCN trong khu vực mở rộng:

- KCN nặng Dung Quất II: Khoảng 3.500h;
- KCN nhẹ Bình Hòa - Bình Phước: Khoảng 1.500ha (bao gồm 388ha đất công nghệ cao khu Vạn Tường).
- KCN phụ trợ Tịnh Phong: Khoảng 600 ha (trên cơ sở mở rộng KCN Tịnh Phong).

b) Các khu đô thị và khu dân cư: tổng diện tích 3.550ha

- Giai đoạn 2015 - đô thị dự kiến: 110.000-130.000 người;
- Giai đoạn 2020 - đô thị dự kiến: 170.000-210.000 người;
- Giai đoạn 2025 - đô thị dự kiến: 290.000-310.000 người.

c) Nông nghiệp - nông thôn.

- Diêm dân cư nông thôn:
 - + Tổng số hộ trong KKT là 42.294hộ ở trong 103 điểm dân cư làng xóm; trong đó, khoảng 10.000hộ phải tái định cư còn lại trên 32.000hộ ở trong 80 điểm dân cư thôn, làng, không phải di dời ;
 - + Xây dựng 26 trung tâm xã và cụm xã, nhằm hình thành các trung tâm nông thôn, có đầy đủ các công trình dịch vụ hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội và cả hạ tầng kỹ thuật.
 - Khu nông nghiệp :

Bảng cân bằng đất Khu kinh tế Dung Quất

TT	Danh mục	Năm 2015		Năm 2025	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	45332,28	100,00	45332,28	100,00
I	Đất xây dựng	19.217,95	42.39	21.829,15	48.15
I	Đất công nghiệp, trong đó	6714.58	14.81	8814.58	19.44
1.1	Công nghiệp phía Tây	1104.00	2.44	1104.00	2.44
1.2	Công nghiệp phía Đông	2121.82	4.68	2121.82	4.68
	Cụm CN Lọc Dầu (Nhà máy + hành lang đường ống)	494.30	1.09	494.30	1.09
	Cụm CN hoá dầu + hoá chất	250.00	0.55	250.00	0.55
	Cụm CN đóng tàu	250.00	0.55	250.00	0.55
	CN luyện cán thép	455.00	1.00	455.00	1.00
	Công nghiệp cơ khí	390.22	0.86	390.22	0.86
	Khu công nghiệp nặng Dosan	110.00	0.24	110.00	0.24
	Công nghiệp VLXD+hậu cần cảng	57.96	0.13	57.96	0.13
	Đất cảng	114.34	0.25	114.34	0.25
1.3	Công nghiệp Dung Quất II	2600.00	5.74	3500.00	7.72
	CN lọc hoá dầu			500.00	1.10
	CN nặng khác	500.00	1.10	500.00	1.10
	CN luyện cán thép	1000.00	2.21	1000.00	2.21
	CN chế tạo và phụ trợ			400.00	0.88
	CN phụ trợ	350.00	0.77	350.00	0.77
	Đất cảng	750.00	1.65	750.00	1.65
1.4	KCN nhẹ Bình Phước - Bình Hoà	688.76	1.52	1488.76	3.28
	Đất CN điện tử - tin học			800.00	1.76
	Đất CN tin vi chính xác	300.00	0.66	300.00	0.66
	Đất CN cao (Van Tường)	388.76	0.86	388.76	0.86
1.5	Khu Tịnh Phong	200.00	0.44	600.00	1.32
	Công nghiệp chế biến	200.00	0.44	600.00	1.32
2	Đất kho tàng	130.06	0.29	130.06	0.29
3	Đất công cộng	930.42	2.05	930.42	2.05
4	Đất đô thị	1514.3	3.34	3550.00	7.83
	Đô thị Dốc Sỏi	150	0.33	290.00	0.64
	Đô thị Van Tường	1004.3	2.22	2000.00	4.41
	Đô thị Châu Ổ	200	0.44	800.00	1.76
	Đô thị Sa Kỳ	100	0.22	400.00	0.88
	Đô thị Lý Sơn	60	0.13	100.00	0.22
5	Đất làng + tái định cư	2149.16	4.74	2249.16	4.96
	Đất tái định cư phía Tây	128.00	0.28	128.00	0.28
	Đất tái định cư phía Đông	383.16	0.85	383.16	0.85
	Đất tái định cư khu vực Van Tường	68.00	0.15	68.00	0.15
	Đất tái định cư khu Tịnh Kỳ	400.00	0.88	400.00	0.88
	Đất tái định cư khu Tịnh Phong	50.00	0.11	150.00	0.33
	Đất tái định cư khu Châu Ổ - Bình Long	350.00	0.77	350.00	0.77
	Đất làng xóm	770.00	1.70	770.00	1.70

6.2. Quan điểm khai thác hệ thống không gian xanh mặt nước, thân thiện với môi trường:

- Tổ chức các vùng đệm cây xanh mở ra biển, vùng đệm ngăn cách KCN - KCN, KCN - dân cư, KKT với vùng xung quanh;
- Khai thác vùng ven biển với các hệ sinh thái đồi núi bãi cát và mặt nước vào các mục đích sử dụng phòng hộ, du lịch nghỉ ngơi, vui chơi giải trí và các hoạt động kinh tế biển;
- Tổ chức các lâm viên, công viên du lịch, các vùng bảo vệ sinh thái ngập mặn có không gian xanh và mặt nước, vùng sinh thái;
- Vừa tận dụng địa hình tự nhiên có sẵn vừa giữ lại mảng cây xanh như cây xanh khu đất thấp ven sông hay trên những chuỗi đỉnh đồi để hình thành khu ở với dải cây xanh tự nhiên phong phú;
- Tận dụng những nơi có khả năng ít phải tốn công san nền để làm khu đất dành cho các công trình thể thao.

6.3. Quan điểm hài hòa cân bằng xã hội:

- Phát triển loại hình công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động nữ, KCN nhẹ bố trí gần và phục vụ cho công nghiệp nặng;
- Khu tái định cư bố trí hợp lý, đồng thời gắn bó với đô thị để khai thác hạ tầng kỹ thuật, hài hòa với xã hội cộng đồng công nghiệp, có cơ hội chuyển đổi nhanh phong cách hiện đại, phong cách công nghiệp.

7. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

7.1. Về giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường hàng không:

+ Sân bay chính: Sân bay Chu Lai sẽ là sân bay đối ngoại quốc tế chính cho KKT trong tương lai. Gắn kết giữa KKT Dung Quất với sân bay là trục dọc trung tâm, nối từ sân bay đi qua KCN phía Tây, tiếp cận cửa ngõ phía Bắc đô thị Vạn Tường, kéo dài xuống phần mở rộng chính của KKT Dung Quất và nối vào thành phố Quảng Ngãi.

+ Sân bay chuyên dụng: Dự kiến bố trí mới 2 sân bay trực thăng:

Sân bay số 1: Bố trí trên đảo chính của đảo Lý Sơn, quy mô sân bay và đầu mối hỗ trợ là 30ha, vị trí tại khu vực sân bay cũ trên đảo.

Sân bay số 2: Bố trí khu vực của ngõ phía Bắc của đô thị Vạn Tường, quy mô sân bay 25ha.

- Đường thủy:

+ Cảng Dung Quất I hiện hữu;

+ Cảng Dung Quất II (Khu vực xây dựng mở rộng): Xây dựng cảng Dung Quất 2 tại khu vực Nam vịnh Mỹ Hàn, với bề rộng mặt cảng khoảng 5km, chiều dài bờ cảng hữu dụng khoảng 10km-12km, công suất cảng có thể đáp ứng 100 - 200tr.tấn/năm. Khu vực phía Bắc vịnh dành cho sau năm 2025.

+ Cụm cảng Lý Sơn: Hoàn chỉnh cụm cảng Lý Sơn theo mô hình cảng tổng hợp.

+ Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền trong KKT:

Cầu cảng cá sông Trà Bồng: Có thể đáp ứng tàu công suất 400CV;

Cảng Sa Kỳ: Có thể đáp ứng 120-200 lượt tàu công suất 500CV;

Quảng Ngãi. Đoạn đã được xác định trong quy hoạch KKT Dung Quất 10.300ha đã duyệt là 6,2km.

* Trục dọc số 4: Trục đã được xây dựng, dài 9km nối từ cửa ngõ phía Nam của cảng Dung Quất I tới thành phố Vạn Tường, lộ giới tuyến 65m.

+ Trục kiến nghị mới trong phương án KKT mở rộng:

* Trục ngang số 3 (trục đối ngoại chính của cảng Dung Quất 2): Nối từ đường bộ cao tốc tới cảng, nằm trong hành lang cả đường bộ và đường sắt, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bề rộng hành lang 120m. Chiều dài là 15km.

* Trục dọc số 3: Đoạn kéo dài trong phạm vi KKT mở rộng là 15km, bề rộng hành lang 60m. Tổng chiều dài toàn tuyến là 25,6km.

* Trục dọc số 4 (đoạn phía Nam): Kéo dài từ Vạn Tường về phía Nam, chiều dài tuyến là 11,6km, bề rộng hành lang tuyến 65m, đoạn qua phạm vi KCN nặng của cảng Dung Quất 2 hành lang là 200m.

- *Đầu mối giao thông đường bộ đối ngoại:*

+ Nút giao thông: Gồm 3 nút chính đầu nối từ trục ngang của KKT với đường bộ cao tốc:

Hai nút giao 3 hướng dạng chom-pet của trục ngang số 1 và trục ngang số 3. Quy mô mỗi nút khoảng 12ha;

Nút chính trung tâm giao 4 hướng dạng hoa thị của trục ngang số 2. Quy mô nút 17ha;

+ Bến xe khách đối ngoại:

Bến phía Bắc: Bố trí trong khu vực đô thị Dốc Sỏi, quy mô 4ha;

Bến trung tâm - cửa ngõ phía Tây của Vạn Tường, quy mô bến 4ha;

Bến phía Nam, kết hợp cùng bến phía Bắc của thành phố Quảng Ngãi, quy mô bến 4ha.

b) Giao thông nội bộ khu kinh tế

Tổng hợp chỉ tiêu giao thông nội bộ

TT	Khu chức năng	Diện tích khu vực (ha)	Diện tích GT (ha)	Tỷ lệ	Mật độ đường (km/km ²)
A	Khu vực công nghiệp	8.814,58	860,24		
1	KCN Đông-Tây Qung Quất 1	3.225,82	312,29	10,37%	4,23
2	KCN Dung Quất 2	3.500,00	275,83	10,03%	3,5
3	KCN nhẹ Bình Phước - Bình Hòa	1.100,00	137,50	12,50%	4,9
4	Khu công nghệ cao Vạn Tường	388,76	62,63	16,11%	6,4
5	KCN Tịnh Phong	600,00	72,00	12,00%	4,6
B	Khu vực đô thị	3.550,00			
1	Khu đô thị Vạn Tường	2.000,00	411,00	25,78%	10,25
2	Khu đô thị Dốc Sỏi	290,00	75,40	26,00%	9,6
3	Khu đô thị Châu ô	800,00	216,00	27,00%	9,75
4	Khu đô thị Sa Kỳ	400,00	104,00	26,00%	10,02
5	Khu đô thị Lý Sơn	100,00	16,80	28,00%	11,9

c) Tổ chức giao thông công cộng trong KKT Dung Quất:

- *Bằng đường bộ:* Trong giai đoạn đầu khai thác loại hình xe buýt, tập trung trên hướng chính.

- *Bằng đường sắt:* Được xây dựng khi nhu cầu đi lại lớn, xe buýt tiệm cận quá vùng phục vụ hiệu quả.

- *Bằng đường hàng không:*

KKT Dung Quất mở rộng, đến năm 2025 nâng công suất nhà máy nước này lên $Q_2=300.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

Riêng khu huyện đảo Lý Sơn (đảo lớn) xây dựng một trạm cấp nước công suất $Q_1=1000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, khai thác nguồn nước ngầm trên đảo.

- Mạng lưới đường ống:

Đường ống dẫn nước thô cho nhà máy nước KKT Dung Quất mở rộng xây dựng đường ống đường kính $2\text{Ø}1200\text{mm}$ từ đập Thạch Nham chạy dọc kênh Chính Bắc - kênh B7 về đầm Ông Thức.

7.3. Định hướng cấp điện:

a) Chỉ tiêu cấp điện.

- Điện sinh hoạt: đợt đầu 280W/người; dài hạn 2025: 330W/ người;
- Dịch vụ công cộng trong khu ở: Lấy bằng 30% điện sinh hoạt.
- Điện công nghiệp: 200- 400KW/ha, kho tàng: Từ 50-70KW/ha.
- Công trình công cộng, dịch vụ: Từ 100-150KW/ha
- Cây xanh công viên: 10-15KW/ha, chiếu sáng đường: 10KW/ha.

b) Phụ tải điện: Tổng phụ tải 1.773KW.

c) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện:

+ Nhà máy điện: công suất 100-120MW, GD II NM nhiệt điện Dung Quất 250-300MW. 2 tổ máy nhiệt điện chạy than tại Lý Sơn CS: 6MW.

+ Nguồn 500KV: Trạm 500KV Dốc Sỏi lắp đặt thêm máy có CS: 900MVA.

+ Nguồn 220KV: KKT Dung Quất còn được cấp bằng lưới 220KV quốc gia đường dây 220KV mạch kép Đà Nẵng - Dung Quất và từ Kon Tum tới Dung Quất.

+ Lưới điện:

Lưới 220KV: Trạm 220/110KV Dốc Sỏi (đã có) CS: 2x125MVA cấp điện cho các phụ tải phía Tây KKT Dung Quất và vùng xung quanh.

Lưới điện 110KV:

* KCN phía Đông: Mở rộng trạm Dung Quất (E17). CS trạm :2x40MVA. XD mới 6 trạm với CS: 360MVA. NMLD có một nhà máy điện đồng phát nhiệt - điện CS: 60MVA(4x15MW) XD được cấp nguồn dự phòng từ trạm 110KV Dung Quất bằng tuyến 22KV mạch kép;

* KCN phía Tây: XD 2 trạm 110KV có 206MVA;

* Đô thị Vạn Tường: XD 2 trạm 110KV có 100MVA;

* KCN Dung Quất II: XD 4 trạm có CS: 382MVA;

* KCN nhẹ Bình Phước, Bình Hoà: XD 3 trạm 160MVA;

* KCN Tịnh Phong: XD 1 trạm 2x63MVA;

* KCNC Vạn Tường: XD 1 trạm 2x40MVA;

* Đô thị Dốc Sỏi: XD 1 trạm 2x25MVA;

* Đô thị Châu ô: XD 1 trạm 2x16MVA.

7.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải: KKT Dung Quất xây dựng hệ thống nước thải riêng, nước mưa riêng. Toàn bộ nước thải được đưa về các

Nghĩa trang có công nghệ chủ yếu là địa táng 1 lần, địa táng có cải táng và cát táng.

Vị trí xây dựng nghĩa trang công viên sinh thái: Dự kiến khu vực xã Bình Thanh Đông, huyện Bình Sơn, quy mô đất xây dựng 100ha. Giai đoạn 2025 cần mở rộng diện tích để đáp ứng nhu cầu đất di dời phần mộ nằm trong đất quy hoạch mở rộng.

7.5. Đánh giá môi trường chiến lược

Khối lượng các chất ô nhiễm trong nước thải không được xử lý:

Đến năm 2015: sinh hoạt: 1711-2249kg/ngày, công nghiệp: 14.356kg/ngày. Trong đó chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS).

Đến năm 2025: Toàn bộ nước thải trong KKT Dung Quất được xử lý 100% nên không bị thất thoát ra MT và không ảnh hưởng đến môi trường chung.

8. Quy hoạch xây dựng đợt đầu (tới 2015):

8.1. Mục tiêu:

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, các công trình đầu mối kỹ thuật cho KKT (10300ha) đã duyệt đã chuẩn bị đầu tư và đầu tư đang thực hiện lần khu mở rộng nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi.
- Tạo động lực thu hút vốn đầu tư vào các khu vực trọng điểm các lĩnh vực trọng điểm quan trọng có tính chất đột phá để từng bước thúc đẩy phát triển toàn KKT.

7.2. Kế hoạch sử dụng đất

Phân kỳ phát triển tạo ra một lịch trình tổng hợp đảm bảo phát triển theo một trật tự gắn với đầy đủ dịch vụ.

- Giai đoạn 2010-2015:
 - + Đầu tư hạng mục tạo động lực lấp đầy qui hoạch 10.300ha.
 - + Đầu tư chú ý kết cấu hạ tầng khu mở rộng và một số công trình động lực, đô thị.
- Giai đoạn 2016-2020:
 - + Hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và công trình đầu mối, cơ bản công trình hạ tầng xã hội, phát triển đô thị Vạn Tường, Châu Ổ.
 - + Đầu tư các công trình động lực chủ yếu công trình trọng điểm KCN nặng và KCN nhẹ.
 - + Phát triển hệ thống không gian xanh, sinh thái.
- Giai đoạn 2020-2025:
 - + Hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị Vạn Tường, Châu Ổ.
 - + Lấp đầy khoảng 6.000 – 6.500ha CN toàn KKT.
 - + Hoàn chỉnh đồng bộ Đô thị - Dịch vụ - Vùng sinh thái trong KKT để giai đoạn tiếp lấp đầy toàn bộ 8000-8814ha CN và các hạng mục khác, chuẩn bị hướng tới thành lập phát triển mô hình “Thành phố công nghiệp”.

8.3. Chương trình, dự án chiến lược trong KKT

a) Công nghiệp:

tuyến Bắc nối KCN Đông Dung Quất - KCN cảng Dung Quất II: Xây dựng cảng chuyên dụng KCN nặng Dung Quất II.

+ Đường sắt: Xây dựng tuyến đường sắt ga Trì Bình - cảng Dung Quất - KCN nặng. Xây dựng tuyến đường sắt ga Đại Lộc- cảng Dung Quất II.

+ Chuẩn bị kỹ thuật:

San nền: Những khu vực xây dựng trong giai đoạn đầu: Khu công nghiệp Tịnh Phong, khu tái định cư Châu ô - Bình Long, khu tái định cư Tịnh Kỳ. Các khu công nghiệp nhẹ Bình Hòa - Bình Phước.

Thoát nước: Trong những năm tới cần xây dựng các tuyến cống trên các trục đường xây dựng đợt đầu. Khối lượng mương cống các loại ước tính khoảng: 52.950m.

Cấp nước:

* Xây dựng thêm hồ chứa nước thô cho nhà máy nước Dung Quất dung tích $W = 2.500.000 \text{ m}^3$ tại xã Tịnh Phong tại vị trí giáp giữa đường sắt và kênh Chính Bắc;

* Xây dựng nhà máy nước KKT Dung Quất mở rộng cạnh đầm Ông Thức công suất $Q1=150.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$;

* Xây dựng hồ chứa nước thô dung tích $W=3000000 \text{ m}^3$ dự trữ và cung cấp nước thô cho nhà máy nước Khu kinh tế Dung Quất mở rộng;

* Xây dựng đường ống $\varnothing 1200 \text{ mm}$ chuyển tải nước thô từ đập Thạch Nham chạy dọc theo kênh Chính Bắc qua kênh B7 về đầm Ông Thức;

* Xây dựng một trạm cấp nước công suất $Q1=1000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ cấp nước cho 2 xã An Vĩnh và An Hải của đảo Lý Sơn khai thác nguồn nước ngầm trên đảo.

9. Kết luận và kiến nghị

9.1. Kết luận:

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất trên cơ sở đánh giá đúng những thuận lợi, khó khăn cả những thời cơ và thách thức để có dự báo phát triển chính xác, phân khu chức năng quy hoạch sử dụng đất chặt chẽ, đồng thời đề ra các giải pháp tổ chức kiến trúc cảnh quan, giải pháp kỹ thuật, môi trường hợp lý... là cơ sở tốt cho đầu tư phát triển lớn hơn, nhanh hơn.

Nội dung quy hoạch phát triển KKT Dung Quất cũng phù hợp với việc hướng tới chuyển đổi cơ cấu quản lý- hình thành Thành phố Công nghiệp Dung Quất, một đơn vị quản lý và kinh tế, vừa quản lý xã hội chắc chắn sẽ đem lại cho Dung Quất sức hấp dẫn mới, tạo thế liên hoàn phát triển giữa Dung Quất và Chu Lai, giữa Dung Quất và Thành phố Quảng Ngãi, là hạt nhân, tăng trưởng mạnh cho Quảng Ngãi và vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung.

9.2. Kiến nghị:

Điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế Dung Quất là công việc rất cần thiết và cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng ngày càng nóng bỏng trong khu vực. Để có cơ sở pháp lý triển khai các công việc tiến theo của đồ án quy hoạch. UBND tỉnh kính đề nghị:

- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Tây giáp đường sắt Bắc Nam;
- Phía Nam giáp ranh giới quy hoạch mở rộng TP. Quảng Ngãi;
- Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam.

1.2. Thời hạn lập quy hoạch

- Quy hoạch đợt đầu đến năm 2015;
- Định hướng quy hoạch đến năm 2025.

2. Tính chất:

- Là Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, đô thị và nông, lâm, ngư nghiệp. Trong đó trọng tâm là phát triển Công nghiệp Lọc - Hóa dầu, Hóa chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo: Luyện - cán thép, cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác Cảng nước sâu Dung Quất I và Dung Quất II, hướng tới trở thành Thành phố công nghiệp Dung Quất.

- Là một trong những trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ cảng của vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, trong đó cơ cấu kinh tế công nghiệp chiếm tỷ trọng chủ yếu;

- Là một trong những đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng khu vực miền Trung và Tây Nguyên;

- Có vị trí quan trọng về an ninh - quốc phòng của quốc gia.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch:

3.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa phương hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quy hoạch phát triển các KKT ven biển Việt Nam đến năm 2020; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

- Hình thành đầy đủ các khu chức năng trong KKT Dung Quất nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển các dự án có qui mô lớn;

- Tạo cơ sở cho việc quản lý xây dựng, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, tạo động lực thu hút đầu tư vào KKT Dung Quất, tổ chức môi sinh và bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững;

- Thực hiện kế hoạch và lộ trình chuyển đổi cơ chế quản lý, xây dựng Thành phố công nghiệp Dung Quất.

3.2. Nhiệm vụ:

- Đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng, nguồn lực phát triển;

- Rà soát, đánh giá các mặt ưu - nhược điểm của đồ án Quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất đến 2020 (đã được phê duyệt);

- Luận chứng, dự báo, xác định tính chất, qui mô dân số, đất đai, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu phát triển KKT Dung Quất;

- Định hướng phát triển không gian hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường KKT Dung Quất mở rộng tới năm 2025;

Hiện có trên 22.000ha đất nông nghiệp và rừng sản xuất, đến 2025 diện tích này sẽ dần được chuyển đổi một phần sang xây dựng. Tuy nhiên phải kiên quyết duy trì được một diện tích từ 3.800 - 4.000 ha đất cho sản xuất nông nghiệp và trong KKT dự kiến bố trí khu nông nghiệp vận hành theo tiêu chí của khu nông nghiệp sinh thái (ứng dụng kỹ thuật cao). Khoảng 19.000ha đất sinh thái lâm nghiệp, cây dài ngày, mặt nước và sinh thái khác.

d) *Các trung tâm dịch vụ- xã hội*

- Du lịch:

+ Thiên Đàng - Khe Hai: Diện tích 160 ha;

+ Khu du lịch sinh thái Vạn Tường: Diện tích 450,67 ha;

+ Ba Làng An: Diện tích 600 ha;

+ Điểm tham quan du lịch đảo Lý Sơn gắn với Khu tưởng niệm Đội Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa.

- Thương mại dịch vụ:

+ Phát triển thương mại dịch vụ ở đô thị Trung tâm Vạn Tường và ở các trung tâm đô thị Châu Ô, Dốc Sỏi, Sa Kỳ, Lý Sơn cùng ở các trung tâm cụm xã Bình Nguyên, Bình Hiệp, Tịnh Phong ... hình thành mạng lưới.

+ Xây dựng trung tâm Thương mại - Siêu thị tại Vạn Tường, các trung tâm ở Châu Ô, Dốc Sỏi, Sa Kỳ. Xây dựng hệ thống khách sạn lớn ở Vạn Tường và ở các khu du lịch phục vụ khách sạn quốc tế và trong nước. Xây dựng hệ thống các nhà hàng phục vụ cao cấp ở Vạn Tường ở đô thị và khu du lịch. Xây dựng hệ thống chợ đầu mối và các chợ tại ven đô thị và các trung tâm xã, cụm xã.

e) *Trung tâm đào tạo - y tế*

- Ngoài hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, tại đô thị Vạn Tường xây dựng trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao qui mô hàng ngàn sinh viên hàng năm với các ngành nghề cơ khí, hóa chất... phục vụ nhân lực cho KKT. Đồng thời lập phân viện đào tạo liên kết các trường đại học đào tạo tại Vạn Tường một số ngành quản trị kinh doanh doanh nghiệp, tài chính kế toán, ngân hàng, kỹ thuật tàu thủy...

- Xây dựng một bệnh viện đa khoa 250-300 giường hiện đại tại Vạn Tường và có thể nâng cấp lớn hơn là bệnh viện cấp tỉnh vừa phục vụ KKT vừa phục vụ vùng phía Bắc Tỉnh Quảng Ngãi.

f) *Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao - vui chơi giải trí*

- Xây dựng lâm viên - công viên văn hóa Vạn Tường, khu liên hợp TDTT khu vực (trong hệ thống thi đấu tỉnh và Vùng), sân golf 36lỗ;

- Xây dựng công viên sinh thái ven biển Vạn Tường gắn với khu du lịch Vạn Tường.

- Xây dựng công viên du lịch Ba Làng An gắn khu du lịch nghỉ dưỡng Ba Làng An.

- Xây dựng bảo tồn khu sinh thái ngập mặn (nước lợ) sông Trà Bồng (thuộc Bình Chánh- Bình Dương) gắn với khu du lịch Thiên Đàng Khe Hai.

- Giữ gìn khai thác phát huy vùng san hô Lý Sơn và xây dựng công viên sinh thái đảo Lý Sơn.

TT	Danh mục	Năm 2015		Năm 2025	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6	Đất dự trữ	3074.26	6.78	974.26	2.15
7	Đất du lịch	1610.67	3.55	1610.67	3.55
	Khu Thiên Đường + Khe Hai	160.00	0.35	160.00	0.35
	Khu du lịch Vạn Tường	450.67	0.99	450.67	0.99
	Khu du lịch Ba Làng An	600.00	1.32	600.00	1.32
	Khu du lịch đảo Lý Sơn	400.00	0.88	400.00	0.88
8	Đất giao thông, CT đầu mối	2694.50	5.94	3170.00	6.99
9	Đất quốc phòng	400.00	0.88	400.00	0.88
II	Đất khác	26.114,33	57.61	23.503,13	51.85
10	Đất nông nghiệp	3872.00	8.54	3872.00	8.54
11	Đất cây xanh, mặt nước...	22242.33	49.07	19591.13	43.22

6. Quy hoạch kiến trúc và khai thác cảnh quan thiên nhiên.

6.1. Cấu trúc không gian:

Không gian KKT Dung Quất mở rộng sẽ phát triển theo từng giai đoạn cụ thể. Giai đoạn I với qui mô 10.300ha và giai đoạn II mở rộng 23.281ha mang đặc điểm không gian khác nhau trên cơ sở địa lý tự nhiên và địa kinh tế.

- Về địa lý tự nhiên: Đặc điểm địa hình địa mạo sinh thái dải ven biển và địa hình địa mạo sinh thái đồng bằng dọc hành lang giao thông ở phía Tây;

- Về kinh tế: Đặc điểm các cơ sở kinh tế kỹ thuật được phân bố dựa trên yếu tố khai thác kinh tế biển như: Cảng biển nước sâu là chủ đạo, các đồi núi sinh thái ven biển, bãi tắm, mặt nước biển để tạo ra các lĩnh vực kinh tế cần khai thác như khu công nghiệp gần cảng, giao thông vận tải biển, các khu du lịch nghỉ dưỡng, các đô thị ven biển...

Đồng thời khai thác hành lang kỹ thuật Quốc gia như: Quốc lộ, cao tốc, đường sắt, đường điện thông tin quốc gia... và vùng sinh thái nông nghiệp.

Do vậy cấu trúc không gian KKT gồm có 2 không gian:

- Dải ven biển phía Đông;
- Dải ven hành lang kỹ thuật phía Tây.

Phát triển theo các hệ trục không gian Đông Tây và Bắc Nam:

- Hệ 2 trục chính Bắc Nam: Phát triển song song bờ biển đi cảng Dung Quất II và đi Sa Huỳnh ở phía Đông. Nối KCN, đô thị Dốc Sỏi - song hành với hành lang kỹ thuật phía đông qua Châu Ô và Tịnh Phong đi Sơn Tịnh trên cơ sở Quốc lộ 1;

- Hệ 3 trục chính Đông Tây: Trục 1, nối Dốc Sỏi với cảng Dung Quất I; Trục 2, nối Châu Ô - Vạn Tường đi Trà Bồng, Tây nguyên; Trục 3, nối Tịnh Phong và cảng Dung Quất II; trục phụ Bắc Nam theo ven biển với sân bay Chu Lai qua Dốc Sỏi hướng về Mỹ Khê thuộc Thành phố Quảng Ngãi mở rộng.

- Trục dân sinh nối đô thị Vạn Tường với thành phố Quảng Ngãi và trục nối khu du lịch Ba Làng An, thành cổ Châu Sa đến Núi Thiên Ấn - sông Trà Khúc (thuộc thành phố Quảng Ngãi).

Cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tại xã Tịnh Hòa;

+ Cảng du lịch:

Cảng du lịch tại đảo Lý Sơn: Được bố trí kết hợp trong cụm cảng tổng hợp trên đảo, vị trí 2 bố trí trên Đảo Bé.

Cảng du lịch Vạn Tường: Là cảng chính về du lịch của KKT Dung Quất, công suất cảng dự kiến đạt 1-1,5 triệu hành khách/năm.

- *Giao thông đường sắt:*

+ Vận tải hành khách công cộng: Ga hành khách chính trên trục đường sắt Bắc Nam: Kiến nghị bổ sung 1 ga hành khách chính cho khu vực KKT Dung Quất, vị trí dự kiến tại khu vực cửa ngõ chính phía Nam, đáp ứng thuận lợi cho toàn KKT Dung Quất và phía Bắc của thành phố Quảng Ngãi mở rộng;

+ Vận tải hàng hóa:

Tuyến nâng cấp: Nâng cấp và đảm bảo hành lang trục đường sắt Bắc Nam qua phạm vi KKT Dung Quất với chiều dài 23,1km; tuân thủ theo quy hoạch đã duyệt: Tuyến đường sắt vào cảng Dung Quất I.

Đề xuất mới:

* Xây dựng ga hàng hóa chính cho KKT Dung Quất, vị trí tại cửa ngõ chính phía Tây Nam của KKT khu vực xã Tịnh Thọ. Chiều dài phạm vi ga 2,5km, quy mô ga và hệ thống kho bãi 50ha;

* Xây dựng tuyến đường sắt nối tới cảng Dung Quất II, chiều dài khoảng 15,8km và bố trí 1 ga tiền cảng của cảng Dung Quất II với quy mô 35ha. Tuyến đi song song với trục giao thông đường bộ đối ngoại chính của cảng Dung Quất II.

- *Giao thông đường bộ:*

+ Kiến nghị xây dựng sớm tuyến đường cao tốc Bắc Nam đoạn nối giữa Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi (trục dọc số 1). Có 3 nút giao thông khác mức đầu nối từ hành lang cao tốc quốc gia này vào KKT Dung Quất tại khu vực phía Bắc, khu trung tâm và khu phía Nam.

+ Nâng cấp tuyến QL1A (trục dọc số 2): Chiều dài đoạn tuyến đi qua phạm vi KKT Dung Quất là 24km. Đảm bảo hành lang trên toàn tuyến là 60m, qua khu vực xây dựng mới đề nghị xây dựng đường gom để đảm bảo chức năng giao thông chính, đối ngoại cho trục đường.

+ Trục đối ngoại đã được xác định trong quy hoạch:

* Trục ngang số 1 (Trị Bình - Dung Quất I): Tuân thủ theo quy hoạch đã duyệt về tuyến, quy mô tuyến;

* Trục ngang số 2 (Bình Long - Vạn Tường): Là trục ngang trung tâm của KKT Dung Quất, cửa ngõ đối ngoại chính cho thành phố Vạn Tường, cho phép liên hệ về phía Tây tới hệ thống giao thông quốc gia, đường Hồ Chí Minh, cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Chiều dài tuyến 8km, đầu nối trực tiếp vào trục cửa ngõ của đô thị Vạn Tường. Quy mô hành lang tuyến 100m.

* Trục dọc số 3 (trục liên kết KKT Dung Quất): Nối từ phía Bắc tới KKT Chu Lai, qua sân bay Chu Lai tới các khu chức năng chính của KKT Dung Quất, kéo dài về phía Nam đầu nối với cửa ngõ chính của thành phố

Trong tương lai, cần thiết xem xét tới cơ sở hạ tầng và loại hình vận tải đường hàng không, máy bay taxi... tuy tỷ trọng trong vận tải hành khách không lớn nhưng cần thiết.

- Bảng đường thủy:

Trong phương án quy hoạch mở rộng KKT Dung Quất, giao thông đường thủy công cộng liên hệ tới Lý Sơn là một trong những hạng mục giao thông quan trọng được ưu tiên đầu tư xây dựng từ cơ sở hạ tầng và cơ chế chính sách hỗ trợ kèm theo.

7.2. Về san nền, cấp, thoát nước:

a) San nền:

- Khu vực Đông và Tây Dung Quất:

+ Khu vực xây dựng công nghiệp cao độ san nền $\geq +3,5\text{m}$;

+ Khu dân cư chọn cao độ san nền $\geq +3,0\text{m}$;

- Đô thị Vạn Tường: cao độ nền xây dựng $\geq +3,5\text{m}$;

- Đô thị Châu ồ: cao độ nền xây dựng $\geq +5,5\text{m}$;

- Khu công nghiệp nhẹ Bình Hòa - Bình Phước: Cao độ nền xây dựng tối thiểu $\geq +6,5\text{m}$;

- Đô thị Tịnh Phong: Cao độ nền xây dựng tối thiểu $\geq +8,0\text{m}$;

- Khu công nghiệp Tịnh Phong: Cao độ nền tối thiểu $\geq +9,0\text{m}$;

- Đô thị Sa Kỳ, khu tái định cư Tịnh Kỳ, khu du lịch Ba Làng An: Cao độ nền xây dựng tối thiểu $\geq +3,5\text{m}$.

- Khu công nghiệp nặng Dung Quất II: Cao độ nền tối thiểu $\geq +3,6\text{m}$.

b) Thoát nước mưa:

- Trong KKT Dung Quất chọn hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng hoàn toàn;

- Lưu vực: Toàn bộ khu vực thiết kế chia ra thành các lưu vực chính theo hướng thoát nước ra biển và sông;

- Mạng lưới: Để đảm bảo độ sâu chôn cống, mạng lưới thoát nước ở đây dùng mương nắp đan kết hợp cống tròn và mương xây hở.

c) Về cấp nước:

- Tiêu chuẩn dùng nước:

+ Nước sinh hoạt:

- Tổng nhu cầu dùng nước:

+ Giai đoạn đợt đầu 2015: dự kiến khoảng $250.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$;

+ Giai đoạn dài hạn 2025: dự kiến khoảng $360.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nguồn nước:

+ Lựa chọn nguồn nước mặt kênh Thạch Nham và hồ Nước Trong cấp cho KKT Dung Quất;

+ Giải pháp: Cải tạo, mở rộng nâng công suất nhà máy nước Dung Quất lên $100.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, cải tạo kênh Thạch Nham. Đồng thời xây dựng thêm hồ chứa nước thô cho nhà máy nước Dung Quất dung tích $W=2.500.000 \text{ m}^3$ tại xã Tịnh Phong tại vị trí giao giữa đường sắt và kênh Chính Bắc;

Xây dựng nhà máy nước KKT Dung Quất mở rộng cạnh đầm Ông Thức công suất $Q1=150.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ năm 2015 bổ sung nguồn nước cho

trạm xử lý trước khi xả ra môi trường đạt giới hạn B của TCVN 5945-2005, 7222-2002 mới xả ra môi trường, cụ thể:

- Khu Đông - Tây Dung Quất và khu đô thị Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi: Giữ nguyên vị trí, quy mô công suất các trạm xử lý nước thải theo QHCT 1/2000 đã được phê duyệt;

- KCN Bình Hòa - Bình Phước: Xây dựng 5 trạm xử lý nước thải với công suất: 4.400m³/ngày, 2.400m³/ngày, 4.000m³/ngày, 2.200m³/ngày, 2.400m³/ngày.

- KCN nặng Dung Quất 2: Xây dựng 5 trạm xử lý nước thải với công suất: 10.000m³/ngày, 7.000m³/ngày, 9.000m³/ngày, 22.000m³/ngày, 14.000m³/ngày.

- KCN phụ trợ Tịnh Phong: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng cho toàn khu công nghiệp. Công suất: 16.800m³/ngày;

- Khu đô thị Châu Ô: Xây dựng 2 trạm xử lý nước thải tập trung công suất: 6.000m³/ngày và 8.200m³/ngày (1 trạm kết hợp với khu tái định cư Châu Ô- Bình Long).

- Khu đô thị Sa Kỳ: Xây dựng 3 trạm xử lý nước thải công suất: 1.500m³/ngày, 1.800m³/ngày, 2.000m³/ngày (1 trạm kết hợp với khu tái định cư Sa Kỳ).

- Khu tái định cư Châu Ô - Bình Long, Tịnh Phong, Tịnh Kỳ: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Nước thải được đưa về trạm xử lý kết hợp với đô thị châu ô để xử lý. Khu tái định cư Sa Kỳ: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Toàn bộ nước thải được đưa về trạm xử lý kết hợp với đô thị Sa Kỳ để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Khu du lịch Ba Làng An: Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải, CS: 500m³/ngày.

- Khu vực huyện đảo Lý Sơn nước thải được xử lý cục bộ.

b) Quy hoạch xử lý chất thải rắn:

- Dự kiến vị trí khu xử lý CTR sinh hoạt, y tế của các đô thị, công nghiệp được đưa về khu xử lý CTR: Tại xã Bình Nguyên, Huyện Bình Sơn với diện tích: 70 ha;

- Các khu công nghiệp và các khu đô thị dự kiến xây dựng trong quy hoạch mở rộng sẽ bố trí các trạm trung chuyển CTR và được vận chuyển về khu xử lý chung của toàn KKT.

c) Nghĩa trang:

Các nghĩa trang dự kiến sử dụng trong giai đoạn đầu 2015:

- Nghĩa trang Bình Trị, Bình Đông sử dụng hết phần đất (đã quy hoạch) còn lại của nghĩa trang sẽ đóng cửa, 1 phần đất nằm trong quy hoạch sẽ di dời khi xây dựng KCN;

- Nghĩa trang Bình Hoà: Mở rộng diện tích 11,46 ha;

- Nghĩa trang Bình Phước: Dự kiến mở rộng diện tích 10,51 ha;

- Nghĩa trang Đồng Có - Gò Cao: Tiếp tục sử dụng hết diện tích đất còn lại;

- Xây dựng thêm nghĩa trang ở khu vực xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn quy mô 20 ha phục vụ khu dân cư và đô thị phía Tây sông Trà Bồng ;

- KCN Đông Dung Quất: Hoàn thiện Nhà máy lọc dầu toàn bộ lắp đầy diện tích các công nghiệp đóng tàu, luyện thép, cơ khí nặng, hóa dầu và hóa chất (diện tích lắp khoảng 2121ha);

- Lắp đầy KCN Tây Dung Quất, diện tích lắp khoảng 1104ha;
- Khu mở rộng: Lắp đầy 2.600 ha KCN Dung Quất II;
- Lắp đầy 688ha KCN Tịnh Phong và Bình Hòa - Bình Phước.

b) Dịch vụ:

- Xây dựng khu du lịch Thiên Đường - Khe Hai, diện tích 160ha Xây dựng khu du lịch sinh thái Vạn Tường, diện tích 450ha;
- Xây dựng dự án sân golf 36 lỗ;
- Xây dựng khách sạn Vạn Tường 200phòng cao cấp;
- Xây dựng siêu thị trung tâm phía Bắc Vạn Tường;
- Mở rộng trường Cao đẳng nghề nghề Dung Quất 2vạn học sinh;
- Xây dựng bệnh viện quốc tế 200giường Vạn Tường (trương lai mở rộng 500giường);
- Xây dựng khu ở số 1, 2, 3 trong đô thị mới Vạn Tường qui mô khoảng 1.040ha;
- Xây dựng đô thị Châu Ô diện tích 200ha;
- Xây dựng tái định cư Châu Ô - Bình Long diện tích 350ha;
- Xây dựng tái định cư Tịnh Phong diện tích 50 ha.

c) Hạ tầng:

- Trong phạm vi KKT đã được duyệt (10.300ha)
 - + Giao thông: Xây dựng trục chính Đông - Tây, hoàn chỉnh tuyến Dốc Sỏi - cảng Dung Quất, một số tuyến trục đường chính KCN, đô thị Vạn Tường - Dốc Sỏi, hoàn chỉnh cảng Dung Quất;
 - + Chuẩn bị kỹ thuật: San nền những khu vực xây dựng trong giai đoạn đầu: Khu Tây Dung Quất, khu Đông Dung Quất, Khu đô thị Vạn Tường.
 - + Cấp nước: Cải tạo, mở rộng, nâng công suất nhà máy nước Dung Quất hiện có lên $Q1=100.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$;
 - + Thoát nước bản VSMT: Xây dựng các trạm làm sạch cho Khu công nghiệp Đông Dung Quất và Tây Dung Quất theo quy hoạch chi tiết 1/2000 đã được phê duyệt;
 - + Xây dựng các trạm làm sạch cho khu du lịch Thiên Đường, Khe Hai, khu du lịch Tây Sông Trà Bồng, khu du lịch sinh thái Vạn tường.
- Đối với các đô thị:* Xây dựng các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch chi tiết 1/2000 đã được phê duyệt (Vạn Tường, Dốc Sỏi);
- Đối với các khu tái định cư:* Trong giai đoạn đầu mật độ xây dựng còn thưa, lượng nước thải ít và chưa có điều kiện xây dựng trạm làm sạch, nên dự kiến xây dựng các hồ sinh học để xử lý nước thải.

- Phạm vi Khu Dung Quất mở rộng

- + Giao thông bộ: Đầu tư xây dựng 60km đường giao thông (4 tuyến 2 làn, sau mở 4-6 làn) tuyến nối Quốc lộ 1A gần với Đô thị Vạn Tường, 1 tuyến ngắn nối quốc lộ 1A (KCN Tịnh Phong - nối cảng Dung Quất II, 1

a) Kính đề nghị Chính phủ sớm phê duyệt Quy hoạch để có cơ sở cho việc trình duyệt Đề án “Phát triển Khu kinh tế Dung Quất thành thành phố, có Trung tâm lọc hoá dầu quốc gia và một số cơ chế, chính sách về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh Quảng Ngãi”; tiếp tục thực hiện các qui hoạch chi tiết, dự án đầu tư, kêu gọi đầu tư và quản lý kiểm soát phát triển.

- Sớm cho phép chuyển KKT Dung Quất thành Thành phố Dung Quất, đồng thời cho phép rà soát quy hoạch theo cơ chế quản lý Thành phố, cùng với cơ chế đặc thù về tài chính và an ninh quốc phòng.

- Đề nghị Chính phủ xây dựng Trung tâm công nghiệp nặng và Trung tâm lọc hóa dầu Quốc gia tại Dung Quất.

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành sớm thể chế hóa các chính sách, cơ chế có liên quan để tạo thuận lợi cho KKT Dung Quất phát triển, phù hợp mô hình Thành phố Dung Quất khi được phê duyệt.

b) Trên các luận cứ khoa học thực tiễn đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, tâm huyết và có tính thuyết phục cao của các nhà khoa học đã có nhiều cống hiến cho tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung (nhóm nghiên cứu khoa học của Tiến sĩ Trương Đình Hiến thuộc Phân viện Vật lý thành phố Hồ Chí Minh) đã đưa ra phương án quy hoạch Khu bến cảng Dung Quất 2 bổ sung để so sánh và lựa chọn phương án tối ưu nhất. Việc lựa chọn phương án này sẽ được trình tại Hội nghị thẩm định đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 do Bộ xây dựng tổ chức.

c) Kính đề nghị Bộ Xây dựng sớm xem xét, thành lập Hội đồng thẩm định và bố trí lịch tổ chức Hội nghị thẩm định trước khi trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

(Hồ sơ Quy hoạch phục vụ cho Hội nghị thẩm định được gửi kèm theo tại Văn phòng Bộ Xây dựng)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng và Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Quốc phòng, Công an;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban QLKKT Dung Quất;
- Sở Xây dựng;
- Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng);
- VPUB: C,PVP(CN), các Phòng N/cứu, TTCB,;
- Lưu VT, CN (Inphong408)



Nguyễn Xuân Huế